

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 269/2024/DS-GĐT

Ngày: 24/10/2024

V/v: tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Ủy ban Thẩm phán - Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: gồm 10 thành viên tham gia xét xử, do ông Bùi Đức Xuân - Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh làm chủ tọa phiên tòa.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Loan Chi, Thẩm tra viên chính, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Đoàn Thị Phương M, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Ấp SB, thị trấn NS, huyện ST, tỉnh An Giang.

2. **Bị đơn:** Bà Phạm Thị Mỹ N, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số *, khóm BK, phường KB, thành phố XL, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đoàn Thị Phương M - người đại diện theo ủy quyền là bà Đặng Ngọc M1 trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, bà Đoàn Thị Phương M cho bà Phạm Thị Mỹ N vay tổng số tiền 25.150.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 18/4/2022, bà N vay 4.550.000.000 đồng, lãi suất 1,67%/tháng. Hợp đồng vay lập thành văn bản, công chứng tại Văn phòng công chứng Hoàng Gia do bà N ký tên nhận nợ.

Ngày 29/4/2022, bà N vay 4.600.000.000 đồng, lãi suất 0,83%/tháng, có lập biên nhận bà N ký tên nhận nợ.

Ngày 30/9/2022, bà N vay 16.000.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, có lập biên nhận bà N ký tên nhận nợ.

Sau khi vay bà N chưa trả vốn gốc, lãi suất cho bà M. Bà M yêu cầu bà N trả số tiền vốn gốc 25.150.000.000 đồng và tính lãi kể từ ngày 18/4/2022 theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do hai bên tự thỏa thuận được với nhau nên bà M rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 14.150.000.000 đồng và yêu cầu về lãi suất, chỉ yêu cầu bà N trả cho bà M số tiền nợ gốc là 11.000.000.000 đồng.

Đối với biện pháp khẩn cấp tạm thời đã được Tòa án áp dụng, đề nghị tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của bà N để đảm bảo việc thi hành án và hủy quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm để bà M được nhận lại tiền đã nộp biện pháp bảo đảm.

Bị đơn bà Phạm Thị Mỹ N - người đại diện theo ủy quyền là ông Mai Xuân T trình bày:

Xác định bà N vay của bà M tổng số tiền 25.150.000.000 đồng với mục đích để bà N bổ sung vốn kinh doanh cá xuất khẩu, khi vay có lập hợp đồng và bà N ký tên nhận nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án hai bên tự thỏa thuận, đến nay bà M chỉ yêu cầu bà N trả số tiền nợ gốc 11.000.000.000 đồng, bà N đồng ý trả cho bà M số tiền trên. Bà N đồng ý tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của bà N để đảm bảo cho việc thi hành án và hủy quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm để bà M được nhận lại tiền đã nộp biện pháp bảo đảm.

Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 41/2023/QĐST-DS ngày 01/6/2023 Tòa án nhân dân thành phố XL, tỉnh An Giang, quyết định:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bị đơn, bà Phạm Thị Mỹ N có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Đoàn Thị Phương M số tiền nợ gốc 11.000.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thời gian, phương thức thanh toán số tiền trên được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Tiếp tục duy trì một phần biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 07/2023/QĐ-BPKCTT ngày 27/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố XL về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ. Tài sản phong tỏa là:

Quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố XL, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH07223, ngày 03/12/2015 cho bà

Phạm Thị Mỹ N, diện tích 111,9m², thửa số 150, tờ bản đồ số 40 và căn nhà gắn liền với đất diện tích xây dựng 105,3m², diện tích sàn 214,5m², kết cấu: nền gạch, khung BTCT, vách gạch, sàn BTCT, mái tole, cấp 3B, số tầng: 02.

Quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố XL, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 13588, ngày 08/6/2020 cho bà Phạm Thị Mỹ N, diện tích 72m², thửa số 151, tờ bản đồ số 40 và căn nhà gắn liền với đất diện tích xây dựng 65,7m², diện tích sàn 143,1m², loại 2.3, số tầng: 02.

Hủy Quyết định buộc thực hiện bảo đảm số 06/2023/QĐ-BPBD ngày 27/3/2023. Hoàn trả lại số tiền 680.000.000 đồng và lãi suất phát sinh (nếu có) trong tài khoản số 701.10.00.1036496, chủ tài khoản Đặng Ngọc M1 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang cho bà Đoàn Thị Phương M hoặc bà Đặng Ngọc M1 (người đại diện theo ủy quyền của bà Đoàn Thị Phương M) khi quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, quyết định sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 21/7/2023, ông Lê Anh H có đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với quyết định sơ thẩm nêu trên.

Tại quyết định kháng nghị số 32/2024/KN-DS ngày 15/7/2024, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 41/2023/QĐST-DS ngày 01/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố XL, tỉnh An Giang, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm, hủy toàn bộ quyết định sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban Thẩm phán không chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp thể hiện: Ngày 01/3/2023, ông Lê Anh H nhận chuyển nhượng của bà Phạm Thị Mỹ N và bà Châu Phạm Mỹ A hai thửa đất và tài sản gắn liền với đất, cụ thể:

- Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 40, diện tích 111,9m², loại đất ở đô thị, có xây dựng căn nhà cấp 3B, diện tích xây dựng là 214,5m², số tầng: 02, địa chỉ: phường KB, thành phố XL, tỉnh An Giang. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CC 731413, số vào sổ CH07223 do Ủy ban nhân dân thành phố XL, tỉnh An Giang cấp ngày 03/12/2015 đứng tên bà Phạm Thị Mỹ N. Giá chuyển nhượng là 3.000.000.000 đồng.

- Thửa đất số 151, tờ bản đồ số 40, diện tích 72m², loại đất ở đô thị, có xây dựng căn nhà cấp (hạng) 2.3, diện tích xây dựng là 65,7m², diện tích sàn 143,1m², địa chỉ: phường KB, thành phố XL, tỉnh An Giang. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CV 813267 và CV813268, số vào sổ CS13588 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 08/6/2020 đứng tên bà Phạm Thị Mỹ N và bà Châu Phạm Mỹ A. Giá chuyển nhượng là 4.100.000.000 đồng.

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa các bên đối với hai tài sản nêu trên được Công chứng tại Văn phòng công chứng HC vào ngày 01/3/2023. Các bên đã giao nhận đủ tiền chuyển nhượng theo hợp đồng, bên bán đã bàn giao nhà và đất cho bên nhận chuyển nhượng quản lý, sử dụng.

[2] Như vậy, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông H với bà N và bà A ký kết ngày 01/3/2023, trước ngày 20/3/2023 (ngày bà M nộp đơn khởi kiện bà N) và trước ngày Tòa án nhân dân thành phố XL thụ lý giải quyết vụ án số 110/2023/TLST-DS ngày 27/3/2023. Ngoài ra, phần đất tại thửa 151 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang cấp ngày 08/6/2020 cho bà Phạm Thị Mỹ N và bà Châu Phạm Mỹ A là đồng sở hữu tài sản. Tài sản này không phải là tài sản được dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và cũng không liên quan đến việc bà N vay nợ của bà M. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố XL ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2023/QĐ-BPKCTT ngày 27/3/2023, phong tỏa hai tài sản, nhà và đất đối với thửa đất số 150 và thửa đất số 151 nêu trên. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố XL không đưa ông Lê Anh H và bà Châu Phạm Mỹ A vào tham gia tố tụng mà ra Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 41/2023/QĐST-DS ngày 01/6/2013 và tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, phong tỏa nhà và đất thuộc thửa đất số 150 và thửa đất số 151 nêu trên là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm cho đương sự không thực hiện được quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình; dẫn đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ không được bảo vệ theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Do có một số vi phạm cả về nội dung lẫn hình thức nên cần phải hủy Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố XL giải quyết lại sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật. Hiện nay, Tòa án nhân dân thành phố XL đang thụ lý giải quyết tranh chấp hai tài sản nêu trên giữa ông H với bà N và bà A, tài sản này liên quan đến Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2023/QĐ-BPKCTT ngày 27/3/2023 và Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 41/2023/QĐST-DS ngày 01/6/2013. Khi giải quyết lại vụ án nếu có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thì cần nhập vụ án tranh chấp giữa bà M và bà N với

vụ án giữa ông H và bà N, bà A đề giải quyết nhằm bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 325; Điều 342; Điều 345 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 32/2024/KN-DS ngày 15/7/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy toàn bộ Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 41/2023/QĐST-DS ngày 01/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố XL, tỉnh An Giang, về vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa nguyên đơn là bà Đoàn Thị Phương M với bị đơn là bà Phạm Thị Mỹ N.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố XL, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:

- Chánh án TAND tối cao (để báo cáo);
- Vụ pháp chế và QLKH TAND tối cao;
- VKSNDCC tại TP. HCM;
- TAND tỉnh An Giang;
- TAND thành phố XL, T. An Giang;
- Chi cục THADS thành phố XL;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, Phòng GDKTII, HS, THS (42).

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Xuân